TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độclập - Tự do - hạnhphúc

Bảnánsố: 44/2020/DS-PT
Ngày:03-3-2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNHTIỀN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Lệ T (Trần Thị T), sinh năm1969 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Lệ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do quen biết nên khoảng cuối năm 2018, bà P và bà T có vay mượn tiền qua lại với nhau. Đến ngày 20/3/2019 âm lịch, sau khi hai bên ngồi lại tính toán thì bà T còn nợ bà P 355.000.000 đồng nên đã viết 01 biên nhận nợ. Hiện nay bà P đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưngbà T không thực hiện. Nay bà yêu cầu buộc bà T trả 01 lần số tiền 355.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:

Biên nhận nợ ngày 20/3/2019 (ÂL) đúng là do bà T viết và ký tên. Tuy nhiên, nguồn gốc số tiền 355.000.000 đồng thực tế là tiền nợ hụi, không phải nợ vay. Trong thời gian bà P khởi kiện, bà đã trả cho bà P 5.000.000 đồng tiền hụi nên hiện nay chỉ đồng ý tiếp tục trả 350.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C đã áp dụng các Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Trần Thị Lệ T (Trần Thị T) trả cho bà P số tiền 355.000.000 đồng. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2019, bị đơn bà Trần Thị Lệ T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Số tiền theo biên nhận ngày 20/3/2019 là tổng kết số tiền nợ hụi của 04 dây hụi mà bà tham gia chơi hụi với bà P, do bà không có khả năng đóng hụi nên bà P cộng tất cả các phần hụi chết của 04 dây hụi và yêu cầu bà viết giấy nợ. Bà yêu cầu xác định số tiền theo biên nhận là tiền nợ hụi.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng tại tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà T là không có căn cứ, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ y án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Lệ T thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự là đúng qui định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định trong năm 2019bà Nguyễn Thị Pcho bà Trần Thị Lệ T vay nhiều lần, tổng số tiền vay 355.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và thời gian trả nợ, việc vay tiền có làm giấy nợ. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy nợ ngày 20/3/2019, có chữ ký của bà T. Phía bị đơn bà Trần Thị Lệ T cũng thừa nhận chữ ký tên trong giấy nợ là do bà viết và ký tên. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa bà Nguyễn Thị P và bà Trần Thị Lệ T xác lập hợp đồng vay tài sản theo qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Bà Trần Thị Lệ T kháng cáo không đồng ý trả số tiền 355.000.000 đồng vì cho rằng số tiền trên là tiền hụi không phải nợ vay.

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay ngày 20/3/2019 giữa bà Nguyễn Thị Pvà bà Trần Thị Lệ T thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2019, tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng.

Bà T cho rằng số tiền 355.000.000 đồng mà bà P yêu cầu bà trả là tiền nợ hụi. Căn cứ các giấy giao hụi do bà T cung cấp không phù hợp với số tiền nợ theo biên nhận ngày 20/3/2019, không chứng minh được biên nhận nợ xuất phát từ việc tổng hợp các phần hụi chết bà T còn nợ bà P. Đồng thời, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không thừa nhận số tiền 355.000.000 đồng là tiền nợ hụi mà là tiền vay, mà bà T không có chứng cứ để chứng minh. Nên có cơ sở xác định bà T có vay của bà P số tiền 355 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà T không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Lệ T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 140/2019/DSST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Trần Thị Lệ T(Trần Thị T)phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Lệ T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 17.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002325 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 17.750.000 đồng nữa.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị P số tiền 8.875.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10318 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Diệp Thúy

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Án tuyên lúc hồi .... giờ, ngày .....có mặt

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM**;**
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NguyễnThịDiệpThúy